

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Sáu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Danh Lợi  
Bà Mai Thị Viện

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T – sinh ngày 24/6/1995

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã P, huyện H, Thanh Hóa;

Nơi cư trú hiện nay: Bkl 7 tanjong pagar plaza #02-106 Singapore 081007

Số hộ chiếu: C3441792, do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 06/6/2017.

**- Bị đơn:** Anh Lê Đức L – Sinh ngày 08/10/1993

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, Thanh Hóa;

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh L (Anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H ngày 11/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn tại nhà bố mẹ anh L tại thôn N, xã P. Do quá trình tìm hiểu chưa thấu đáo nên vợ chồng thường phát sinh mâu

thuần, lâu dần dần đến bỏ mặc không ai quan tâm đến ai. Đến ngày 28/6/2019 chị T đi xuất khẩu lao động tại Singapore, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân giữa chị và anh L đã thực sự tan vỡ không có khả năng để hàn gắn nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức L.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị T đang sinh sống làm ăn tại Bkl 7Tanong pagar plaza #02-106 Singapore 081007. Do tình hình dịch Covid-19 chị không thể về Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh L nên chị làm giấy ủy quyền cho anh Lê Đình Chinh thay mặt chị đến Tòa án để nộp giấy tờ làm thủ tục ly hôn và nhận tất cả các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt cho chị.

*Tại bản tự khai ngày 31/7/2021 của anh Lê Đức L trình bày:*

Anh và chị T kết hôn là do tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2018. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì chị T về nhà mẹ đẻ ở và đến ngày 28/6/2019 chị T đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Từ ngày chị T đi đến nay vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn chị T.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng chưa có con và cũng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị T và anh L, cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo hướng: Xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Đức L. Về phần con cái và tài sản không yêu cầu miễn xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1]. Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do chị Trần Thị T là nguyên đơn hiện đang cư trú tại: Bkl 7Tanong pagar plaza #02-106 Singapore 081007; Bị đơn anh Lê Đức L đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Do đó, quan hệ giữa chị T và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị T, anh L đều thừa nhận và khẳng định: sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 6 năm 2019 thực sự tan vỡ và không có khả năng để hàn gắn, hiện tại mỗi người sống mỗi nơi. Nay cả hai đều thống nhất ly hôn, xét thấy việc thỏa thuận xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện của chị T anh L. Tuy nhiên, trước khi chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, hai bên không gặp nhau, bàn bạc thống nhất để làm đơn yêu cầu Tòa án Công nhận sự thỏa thuận ly hôn, việc anh L thuận tình ly hôn là sau khi có đơn của chị và chị ở xa không về được nên Tòa án không tiến hành hòa giải để ra Quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn mà ra quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L theo như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp.

Về con chung và tài sản chung: Anh L và chị T không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T.

- Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Đức L.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Đức L không có con chung.

- Về tài sản: Chị Trần Thị T và anh Lê Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2019/0014136 ngày 19/7/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã P, huyện H
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thị Sáu**